

**GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG CỦA QUỸ**  
**NET ASSET VALUE OF THE FUND**

Tại ngày/ As of: 25-Jun-19

Tên công ty quản lý quỹ/ Fund Management Company: **Công ty cổ phần Quản lý Quỹ Kỹ Thương/ Techcom Capital Joint Stock Company**  
 Tên ngân hàng giám sát / Supervising bank: **Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam- CN Hà Thành**

Tên Quỹ/ Fund name: **Bank for Investment and Development of Vietnam Jsc - Hathanh Branch**

Ngày định giá/ Valuation date: **Quỹ đầu tư Trái Phiếu linh hoạt Techcom/ Techcom Flexi Bond Fund**

Ngày giao dịch/ Trading date: **6/26/2019**

| Tên Quỹ Mở<br><i>Fund Name</i>   | Giá dịch vụ phát hành (% giá trị giao dịch)/<br><i>Subscription Fee (% of transaction amount)</i> | Giá dịch vụ mua lại (% giá trị giao dịch)/<br><i>Redemption Fee (% of transaction amount)</i> | Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ tại ngày định giá/<br><i>NAV per unit at Valuation Date</i> | Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ tại ngày định giá kỳ trước/<br><i>NAV per unit last Valuation Date</i> | Tăng/Giảm giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ so với kỳ trước (%)/<br><i>Change in NAV per unit compared to last Valuation Date (%)</i> | Biến động giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ trong năm/<br><i>Change in NAV per unit in 1-year</i> |  | Tỷ lệ sở hữu của NĐTNN<br><i>Foreign Investors' Ownership Ratio</i><br>(**) |  |  |
|--|---|---|--|---|--|--|--|---|--|--|
|  |   |   |  |   |  | Mức cao nhất (VND)<br><i>Highest level (VND)</i>   | Mức thấp nhất (VND)<br><i>Lowest level (VND)</i> | Số lượng đơn vị quỹ/<br><i>Number of fund unit</i>                          | Tổng giá trị tại ngày giao dịch/<br><i>Total value on trading date</i> | Tỷ lệ sở hữu<br><i>Ownership Ratio</i> |
| 1  | 2   | 3   | 4  | 5   | 6  | 7  | 8  | 9   | 10   | 11                                     |
| QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU LINH HOẠT TECHCOM (TCFF)<br>Techcom Flexi Bond Fund (TCFF) | 0% - 5%<br>(*)  | 0% - 3%<br>(*)  | 10,349.58  | 10,346.85   | 0.026%   | 10,349.58  | 9,993.09   | -   | -  | 0.00%                                  |

**Ghi chú / Notes:**

(\*) Tham khảo chi tiết tại Điểm 2.4, mục IX, Bản cáo bạch Quỹ Đầu Tư Trái Phiếu Techcom .  
 Please refer to Article 2.4, part IX of the Prospectus of Techcom Bond Fund.

(\*\*) Các chi tiêu này được xác định tại ngày chốt giá trị tài sản ròng.  
 Those items are valued as at net asset value date.

**Đại diện có thẩm quyền của Ngân hàng giám sát**  
**Authorised Representative of Supervising Bank**

**Đại diện có thẩm quyền của Công ty Quản lý Quỹ**  
**Authorised Representative of Fund Management Company**

**Công ty cổ phần Quản lý Quỹ Kỹ Thương**